

Số: *29* /2019/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *22* tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 857/TTr-SYT ngày 27 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Công an; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Sở Tư pháp - CSDLQG về pháp luật;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^T.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019
của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và quản lý, ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn trên địa bàn tỉnh.

3. Phân cấp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; công bố sản phẩm thực phẩm; quản lý hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, gồm: Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Trên cơ sở các quy định của Luật An toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

4. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp.

5. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

6. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.

7. Phân cấp quản lý giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

8. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.

9. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đấu giá nông sản.

10. Đối với cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân thực hiện theo Khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018.

11. Hoạt động thanh tra an toàn thực phẩm thực hiện theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành. Hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương được phân công theo lĩnh vực quản lý.

12. Nếu có vướng mắc phát sinh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và trường hợp quy định tại Khoản 8, Khoản 10, Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và các trường hợp

quy định tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 Quy định này.

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và trường hợp quy định tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ NGĂN CHẶN HÀNH VI SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM KHÔNG AN TOÀN

Điều 5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm cấp tỉnh

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo quy định:

a) Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động chủ trì tổ chức, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo phạm vi quản lý được phân công.

Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

b) Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm cấp tỉnh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành, tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành phải xác định rõ nội dung, địa

bàn, cơ quan chủ trì đoàn thanh tra, kiểm tra và cơ quan phối hợp. Cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra phải thông báo bằng văn bản cho các cơ quan có liên quan cử người tham gia phối hợp và kết quả thực hiện sau khi kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra.

3. Sở Y tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh trong những trường hợp sau:

a) Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao;

b) Phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng;

c) Khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành quản lý theo lĩnh vực được phân công.

4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện việc trao đổi thông tin từ lập kế hoạch đến thực hiện thanh tra và kết quả thanh tra để biết và phối hợp tránh chồng chéo giữa các sở, ngành, các cấp bảo đảm hoạt động thanh tra, kiểm tra thống nhất từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, tuyến xã. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các sở được phân công lĩnh vực quản lý trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các huyện, thị xã, thành phố thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các sở được phân công lĩnh vực quản lý. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cử người tham gia phối hợp.

6. Các cơ quan trên địa bàn tỉnh không được phân công quản lý về an toàn thực phẩm tại Điều 4 Quy định này, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất, nếu tổ chức thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực an toàn thực phẩm, phải thống nhất với Sở Y tế để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh cho ý kiến chỉ đạo. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra phải có báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, gửi quyết định, kế hoạch thanh tra, kiểm tra về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh đề xin ý kiến giải quyết.

8. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành; định kỳ 6 tháng, hàng năm các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các sở, ngành được giao tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý hoặc phạm vi được giao thanh tra, kiểm tra về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 6. Phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm tại các huyện, thị xã, thành phố

1. Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm cấp huyện xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm.

2. Các Phòng: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, Phòng Kinh tế thành phố Hưng Yên:

a) Chủ động chủ trì tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm theo phạm vi quản lý được phân công trên địa bàn.

Các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất cơ sở thực phẩm không thuộc thẩm quyền quản lý khi: Có chỉ đạo, yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng.

c) Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành định kỳ, đột xuất, hàng quý, 06 tháng, hằng năm trước ngày 25 của tháng cuối quý, cuối năm có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm về Sở Y tế.

3. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về phát ngôn và cung cấp thông tin.

Điều 7. Thực hiện kiểm tra về an toàn thực phẩm tại xã, phường, thị trấn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với các cơ sở thực phẩm được quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Cử thành viên tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

b) Tổ chức kiểm tra đột xuất cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm không thuộc thẩm quyền quản lý khi: Có chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan cấp trên; phát hiện thực phẩm mất an toàn có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng.

c) Kết thúc đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất, hàng quý, 06 tháng, hàng năm trước ngày 20 của tháng cuối quý, cuối năm có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm về Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thị xã, thành phố.

Điều 8. Quản lý, ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phát hiện, tiếp nhận thông tin, vụ việc để điều tra, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; phối hợp với các đơn vị liên quan phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn việc sản xuất, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ thực phẩm không đảm bảo an toàn, thực phẩm không rõ nguồn gốc lưu thông trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức đoàn thể cùng cấp giám sát toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn quản lý. Khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, phải:

- Chỉ đạo lực lượng công an và các cơ quan có chức năng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố tổ chức kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; thông tin kịp thời về các sở được phân công lĩnh vực quản lý theo Điều 4 Quy định này để tổ chức kiểm soát.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giám sát toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Khi phát hiện thực phẩm không an toàn; sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, phải:

- Chỉ đạo lực lượng công an và các lực lượng chức năng liên quan trên địa bàn kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền để tổ chức kiểm soát.

Chương IV

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM; CẤP GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM; ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM; QUẢN LÝ HỘI THẢO, HỘI NGHỊ VỀ THỰC PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 9. Cấp và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Phân cấp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Sở Y tế: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Y tế, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

c) Sở Công Thương: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Công Thương, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 3, Điều 4 Quy định này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp hoặc phân cấp cho các đơn vị chức năng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Phụ lục 1, 2 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực hiện theo Quy định của Luật An toàn thực phẩm, quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký.

b) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

Điều 10. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm

Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

Điều 11. Công bố sản phẩm thực phẩm

1. Tự công bố sản phẩm thực phẩm: Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế tiếp nhận và lưu giữ hồ sơ tự công bố sản phẩm đến khi có Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm.

2. Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm: Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 12. Quản lý hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc tổ chức hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát việc tổ chức hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương

1. Theo lĩnh vực được phân công quản lý, triển khai thực hiện và đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Quyết định này.

2. Theo lĩnh vực được phân công quản lý, thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm, định kỳ hàng quý gửi về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh).

Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn;

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm trên địa bàn theo lĩnh vực được phân công, phân cấp quản lý, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp gửi Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh).

Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

2. Thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

4. Kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện bằng văn bản về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện bằng văn bản về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2019/QĐ-UBND ngày 24/8/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn/lần phục vụ không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền của huyện, thị xã, thành phố cấp.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh có hoặc không có giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng sản xuất nhỏ lẻ ở mức hộ gia đình, hộ cá thể.

2. Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thực hiện đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Các chợ hạng I, hạng II kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 50 suất ăn/lần phục vụ, kinh doanh thức ăn đường phố.

2. Quản lý các hoạt động tổ chức đông người ăn uống (từ 30 người trở lên), tại các hộ gia đình như đám cưới, đám hỏi, đám giỗ, đám ma, mừng thọ, liên hoan của các hội, các tổ chức có đông người ăn.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Chợ hạng III kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: *24* /2019/QĐ-UBND ngày *24*8/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn/lần phục vụ không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền của huyện, thị xã, thành phố cấp.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh có hoặc không có giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng sản xuất nhỏ lẻ ở mức hộ gia đình, hộ cá thể.

2. Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thực hiện đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Các chợ hạng I, hạng II kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 50 suất ăn/lần phục vụ, kinh doanh thức ăn đường phố.

2. Quản lý các hoạt động tổ chức đông người ăn uống (từ 30 người trở lên), tại các hộ gia đình như đám cưới, đám hỏi, đám giỗ, đám ma, mừng thọ, liên hoan của các hội, các tổ chức có đông người ăn.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Chợ hạng III kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.